TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỎ CÀY BẮC
TỈNH BẾN TRE

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 35 /2023/DS-ST
Ngày: 16/5/2023
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY BẮC - TỈNH BẾN TRE

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đỉnh

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Út
2. Ông Kiều Công Trường

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Ngô Thị Thu Thảo, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

Trong ngày 16 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 203/2022/TLST - DS ngày 07 tháng 11 năm 2022 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2023/QĐXXST - DS, ngày 06 tháng 4 năm 2023, quyết định hoãn phiên tòa số: 52/2023/QĐST – DS ngày 27 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Phạm Thu T, sinh năm 1962
Địa chỉ: ấp N, xã N1, huyện B, tỉnh Bến Tre
Bị đơn: Phạm Châu B1, sinh năm 1978 (tên gọi khác Phạm Văn T1)
Địa chỉ: ấp C, xã N1, huyện B, tỉnh Bến Tre
(Bà T có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Ông B (T1) vắng mặt không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 30/10/2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Phạm Thu T trình bày như sau:

Vào ngày 02/11/2018 tôi có cho ông Phạm Châu B1 vay số tiền 100.000.000 đồng với mục đích là để phục vụ cho gia đình của ông B1. Giữa các bên thỏa thuận 10 ngày sau sẽ trả lại. Đến ngày 16/11/2018 ông Phạm Châu B1 vay thêm số tiền là 10.000.000 đồng, ông Phạm Châu B1 có hứa sẽ trả hai số tiền trên cho tôi sau khi vay lại được ở ngân hàng. Khi vay thì ông B1 và tôi có thỏa thuận lãi suất là 1,5%/ tháng nhưng ông Phạm Châu B1 không trả tiền lãi lần nào cho tôi. Do đó, Nay tôi kiện yêu cầu ông Phạm Châu B1 trả cho tôi số tiền vay còn nợ vay gốc là 110.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật từ ngày khởi kiện (tháng 10/2022) đến ngày tòa xét xử (tháng 5/2023).

Bị đơn ông Phạm Châu B1 (tên gọi khác là T1) đã được tống đạt các văn bản tố tụng đúng theo quy định pháp luật nhưng ông Phạm Châu B1 vắng mặt không lý do nên không có văn bản trình bày của ông Phạm Châu Bình trong hồ sơ vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc nhận định:

Bà Phạm Thu T có yêu cầu xét xử vắng mặt, Ông Phạm Châu B1 (Phạm Văn T1) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do. Căn cứ vào điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt bà T, ông B1 (T1) là phù hợp.

[2] Nội dung vụ án: Nguyên đơn bà Phạm Thu T khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Phạm Châu B1 phải có nghĩa vụ hoàn trả cho bà T số tiền vay là 110.000.000 đồng. Chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thu T đã cung cấp cho Tòa án là hai giấy viết tay không tiêu đề có thể hiện nội dung ngày 02/11/2018 và ngày 16/11/2018 ông T1 có vay của bà T số tiền lần lượt là 10.000.000 đồng và 100.000.000 đồng do ông B1 tự viết giấy nợ và ký tên T1 ghi họ tên Phạm Văn T1, theo bà T trình bày thì ông B1 có tên thường gọi là T1 nên khi viết giấy nợ cho bà T vẫn ghi tên là T1. Bà T có nhiều lần yêu cầu ông B1 trả cho bà số tiền trên nhưng ông không trả nên bà khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc. Hội đồng xét xử thấy rằng, căn cứ để nguyên đơn khởi kiện là là hai giấy viết tay không tiêu đề có thể hiện nội dung ngày 02/11/2018 và ngày 16/11/2018 ông T1 có vay của bà T số tiền lần lượt là 10.000.000 đồng và 100.000.000 đồng do ông B1 tự viết giấy nợ và ký tên T1 ghi họ tên Phạm Văn T1, theo bà T trình bày thì ông B1 có tên thường gọi là T1 nên khi viết giấy nợ cho bà T vẫn ghi tên là T1. Do tên T1 là tên thường gọi của ông B1 tại nhà nên đây được xem là chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Phạm Thu T. Trong suốt quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay ông B1 (T1) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng ông B1 nhiều lần vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không có gửi đến Tòa án văn bản gì thể hiện ý kiến phản bác đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên xem như ông B1 mặc nhiên thừa nhận khoản tiền vay này là đúng. Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử thấy rằng yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên được chấp nhận. Trước đây bà T có yêu cầu tính lãi từ ngày 16/11/2018 đến ngày 16/10/2022 với số tiền lãi là 77.500.000 đồng, tuy nhiên tại phiên tòa hôm nay bà T chỉ yêu cầu tính lãi từ tháng 10/2022 đến tháng 5/2023 theo mức lãi suất do nhà nước quy định. Do ông B1 là người vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với bà T nên phải có nghĩa vụ trả số tiền lãi cho bà là có căn cứ để chấp nhận. Buộc ông Phạm Châu B1 (tên thường gọi là T1) có nghĩa vụ trả số tiền vay gốc cho bà T là 110.000.000 đồng, tiền lãi là 110.000.000 đồng x 0,83%x 7 tháng = 6.391.000 đồng. Như vậy tổng số tiền ông B1 phải có nghĩa vụ trả cho bà T là 110.000.000 đồng + 6.391.000 đồng = 116.391.000 đồng.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn đối với bị đơn được chấp nhận toàn bộ nên căn cứ vào Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ

thẩm có giá ngạch đối với số tiền có nghĩa vụ hoàn trả là: 116.391.000 đồng x 5% = 5.819.500 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 463, 466, 468, 469 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Phạm Thu T

Buộc ông Phạm Châu B1 (tên thường gọi là Phạm Văn T1) phải có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Phạm Thu T số tiền 116.391.000 đồng (tiền vay gốc là 110.000.000 đồng; tiền lãi là 116.391.000 đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

Buộc ông Phạm Châu B1 (tên thường gọi là Phạm Văn T1) phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 5.819.500 đồng

Bà Phạm Thu T thuộc diện người cao tuổi và có đơn xin miễn nộp tạm ứng án phí nên được miễn.

3. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND huyện Mỏ Cày Bắc (2b);
- Chi cục THADS huyện B (1b);
- Các đương sự (4b);
- Lưu: Hồ sơ, VP (2b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Văn Đỉnh